

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM FIRE FIGHTING AND TECHNOLOGY SOLUTIONS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETTECHONE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109758835

3. Ngày thành lập: 30/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21, KTT Dệt 19/5, Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962979985

Fax:

Email: sales@viettechone.com

Website: <http://www.viettechone.com>

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
2.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
3.	Thu gom rác thải độc hại	3812
4.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
5.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
6.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
7.	Xây dựng nhà để ở	4101
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102
9.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
10.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Phá dỡ	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

20.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thang máy, cầu thang tự động; - Các loại cửa tự động; - Hệ thống đèn chiếu sáng; - Hệ thống hút bụi; - Hệ thống âm thanh; - Hệ thống thiết bị dung cho vui chơi giải trí - Lắp đặt hệ thống chống sét công trình dân dụng và công nghiệp; - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP)	4329(Chính)
21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, Chống ẩm các toà nhà, Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái các công trình nhà để ở, Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; Thuê cần trục có người điều khiển	4390
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: đại lý bán hàng hóa	4610
24.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
25.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
26.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
27.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
29.	Bán buôn thực phẩm	4632
30.	Bán buôn đồ uống	4633
31.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

36.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư Phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ- CP)	4659
37.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy	4669
40.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
41.	Bán buôn tổng hợp	4690
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
47.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
48.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
51.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
52.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
53.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị phòng cháy chữa cháy.	4773

55.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
56.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
57.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
58.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
59.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
60.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
61.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
62.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá hàng hóa qua internet)	4791
63.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Trừ đấu giá hàng hóa	4799
64.	Hoạt động thể thao khác	9319
65.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
66.	Cơ sở lưu trú khác	5590
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
68.	Đại lý du lịch	7911
69.	Điều hành tua du lịch	7912
70.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
73.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
75.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
82.	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: – Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; – Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây	6110

83.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: – Hoạt động cung cấp trực tiếp dịch vụ viễn thông không dây – Hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông không dây sử dụng quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác	6120
84.	Hoạt động viễn thông vệ tinh Chi tiết: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh	6130
85.	Hoạt động viễn thông khác	6190
86.	Lập trình máy vi tính	6201
87.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
88.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
90.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
91.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
92.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ cắt xén báo chí)	6399
93.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
95.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
96.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
97.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
98.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
99.	Quảng cáo	7310

100.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế xây dựng công trình; - Giám sát thi công xây dựng công trình; - Tư vấn, thiết kế xây dựng công trình; - Tư vấn xây dựng; - Tư vấn, quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 20, Nghị định 15/2021 ND/CP Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (Điều 6, Luật Đấu Thầu); - Lập quy hoạch xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; khảo sát xây dựng; lập thiết kế dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Kiểm định giám sát chất lượng công trình xây dựng (Điều 89 Nghị định 15/2021 ND/CP Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về Phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/ND-CP); - Hoạt động tư vấn chuyển giao công nghệ Phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 136/2020/ND-CP) Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	7110
101.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
102.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ Phòng cháy chữa cháy; Huấn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ về Phòng cháy và chữa cháy(Điều 41 Nghị định 136/2020/ND-CP)	7490
103.	Cho thuê xe có động cơ	7710

104.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu: + Động cơ; + Dụng cụ máy; + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu; + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, + Thiết bị sản xuất điện ảnh; + Thiết bị đo lường và điều khiển; + Máy móc công nghiệp, thương mại; - Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển; - Cho thuê container.	7730
105.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo; các trường của tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN LÊ THÀNH	P83-84 B15, TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0010920476 58	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		
			Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THỊ THẢO	Số nhà 80 xóm 4, Thôn Phú Diễn, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	10,000	0011640112 37	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	10,000		

3	NGUYỄN THỊ HOA	Số 42 tổ 24B , Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	630.000	6.300.000.000	70,000	001185017744
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	630.000	6.300.000.000	70,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN LÊ THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092047658

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P83-84 B15, TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P83-84 B15, TT Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội